

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 14/10/2019

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Bính

2. Ông Vũ Kim Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2019/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Đ – sinh năm 1982; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm V, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang tạm trú tại: Xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T – sinh năm 1977; vắng mặt.
Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm V, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình
Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phan Thị Đ trình bày: Chị và anh Phạm Văn T tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 11 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại xóm V, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình và vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu say sưa, không tu trí làm ăn và về nhà đánh đập, chửi bới vợ, không quan tâm chăm sóc con cái. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh T vẫn không thay đổi tính nết. Vì không chịu được nên chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị Đ ở xóm 5, xã T ở từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay và vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể quay về chung sống với nhau được nên chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con cái: Chị và anh T có hai con chung cháu Phạm Thị Khánh H sinh ngày 23 tháng 07 năm 2001 và cháu Phạm Thị Ngọc A sinh ngày 26 tháng 5 năm 2010. Hiện cháu H đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Phạm Thị Ngọc A đang ở cùng với chị nên chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu A.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản sự việc lấy lời khai ngày 05 tháng 8 năm 2019 của bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị Đ xin ly hôn anh. Trong quá trình chung sống anh và chị Đ xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên đánh cãi chửi nhau không tôn trọng nhau nữa. Chị Đ đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 8 năm 2018 cho đến nay bản thân anh cũng xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nữa và không chấp nhận thái độ và

cách sống của chị Đ, anh không cho chị Đ quay về nhà nữa. Việc chị Đ có đơn xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh thì Tòa án cứ giải quyết ly hôn đơn phương đối với chị Đ, anh không ký văn bản giấy tờ nào của Tòa án, cũng không xuống Tòa án làm việc. Tòa án cứ giải quyết vắng mặt anh và không phải báo gọi cho anh nữa. Anh đồng ý ly hôn với chị Đ và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhanh để anh ổn định cuộc sống.

Về con cái thì anh chị có hai con chung khi ly hôn Tòa án hỏi ý kiến các con, nếu các con muốn ở với ai thì giải quyết theo yêu cầu của các con, ai không nuôi con thì không phải đóng góp.

Về tài sản: Anh không yêu cầu chia tài sản.

Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn đã giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của BLTTDS cho anh T, mặc dù có mặt ở nhà nhưng anh T cố tình không ký nhận văn bản tố tụng và không tham gia hòa giải, tiếp cận chứng cứ và không hợp tác để cùng giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và §100 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Đ ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2010 cho chị Phan Thị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Phạm Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

- Án phí: Chị Phan Thị Đ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, chị Phan Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Đ và anh Phạm Văn T có Đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 11 năm 2000 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình, như vậy hôn nhân của chị Đ, anh T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm V, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Cả chị Đ và anh T đều xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và thường xuyên đánh cãi chửi nhau, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân nhau một năm nay và không có khả năng về đoàn tụ. Chị Đ có đơn xin ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn nhưng không hợp tác, làm việc với Tòa.

Mặt khác căn cứ vào các tài liệu chứng cứ chị Đào cung cấp cũng như tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T xác định anh T và chị Đ kết hôn hợp pháp năm 2000 tại xã T, sau khi kết hôn anh chị có về chung sống tại xóm V và chung sống hạnh phúc được khoảng 5, 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị nhiều lần đánh cãi chửi nhau, trong thời gian này đã có lần anh chị mâu thuẫn và đại diện chính quyền địa phương phải đến can thiệp hòa giải để vợ chồng hứa sửa chữa nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. Khoảng tháng 8/ 2018 chị Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và không ở cùng với anh T nữa.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị Đào và anh Tình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh T có hai con chung cháu Phạm Thị Khánh H sinh ngày 23 tháng 7 năm 2001 và cháu Phạm Thị Ngọc A sinh ngày 26 tháng 5 năm 2010. Hiện cháu H đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Phạm Thị Ngọc A hiện đang ở cùng với mẹ, chị Đ có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu A, bản thân anh T thì xác định cháu A có nguyện vọng ở với ai thì giao con cho người ấy. Căn cứ vào

lời khai nguyện vọng thì cháu A muốn ở cùng với mẹ để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Phạm Thị Ngọc A căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thấy cần phải giao cháu Phạm Thị Ngọc A cho chị Phan Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Vấn đề cấp dưỡng đối với con do chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Tình không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối cháu A.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phan Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Đ và anh Phạm Văn T được ly hôn
2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc A sinh ngày 26 tháng 5 năm 2010 cho chị Phan Thị Đ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu A và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Phan Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003091 ngày 18 tháng 07 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã T, huyện K
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

2.

3.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Trần Thị Khanh